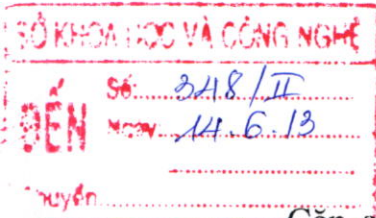


Số: 1122/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 12 tháng 6 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 28-CTr/TU ngày 01/02/2013 của Tỉnh ủy Trà Vinh thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 “Về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01 tháng 11 năm 2012 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

Căn cứ Chương trình hành động số 28-CTr/TU ngày 01 tháng 02 năm 2013 của Tỉnh ủy Trà Vinh thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XI “Về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 218/TTr-SKHCN ngày 24/5/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 28-CTr/TU ngày 01/02/2013 của Tỉnh ủy Trà Vinh thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./đ/

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- Chánh VP, các PCVP: Lê Hữu Nghị,
Nguyễn Thanh Tâm;
- Phòng NC: KTTH, TH;
- Lưu: VT, KTKT. 76^{xin}

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT.CHỦ TỊCH ^{nh}

PHÓ CHỦ TỊCH




Nguyễn Văn Phong

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình hành động số 28-CTr/TU ngày 01/02/2013 của Tỉnh ủy Trà Vinh thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1122/QĐ-UBND ngày 12/6/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

Thực hiện Chương trình hành động số 28-CTr/TU ngày 01/02/2013 của Tỉnh ủy Trà Vinh thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”,

Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh xây dựng Kế hoạch nhằm xác định những quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ nay đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và những giải pháp thực hiện chủ yếu cho sự phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Trà Vinh trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế như sau:

I. MỤC TIÊU:

1. Tổ chức quán triệt thực hiện đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế (sau đây gọi tắt là Nghị quyết 20).

2. Xác định nhiệm vụ để các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch hành động, tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết 20 nhằm phát triển mạnh mẽ khoa học và công nghệ, làm cho khoa học và công nghệ thực sự là động lực quan trọng để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, kinh tế tri thức, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

3. Phân đầu đến năm 2015, giá trị tăng thêm trong các lĩnh vực do phát triển khoa học và công nghệ mang lại thông qua yếu tố năng suất tổng hợp (TFP) hoạt động khoa học và công nghệ đóng góp khoảng 25% tăng trưởng kinh tế.

tế và năm 2020 là 35%. Riêng trong khu vực nông nghiệp, giá trị TFP không thấp hơn 32%; trong khu vực công nghiệp - xây dựng là 25% và trong khu vực dịch vụ khoảng 20%. Tốc độ đổi mới công nghệ, thiết bị đạt khoảng 15 - 20% /năm; giá trị giao dịch của thị trường khoa học và công nghệ tăng trung bình khoảng 12-15% /năm.

II. NHỮNG NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

Các nhiệm vụ chủ yếu phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2013 - 2020 như sau:

1. Tiếp tục đổi mới cơ bản, toàn diện và đồng bộ tổ chức cơ chế quản lý:

1.1. Về tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ:

- Củng cố và hoàn thiện hệ thống tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ; có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải, trùng lặp phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo tinh thần Nghị quyết Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Khuyến khích hỗ trợ hình thành phát triển các tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong các doanh nghiệp, tạo điều kiện phát triển ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tăng nhanh phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

1.2. Về cơ chế quản lý:

- Đổi mới cơ bản cơ chế quản lý khoa học và công nghệ phù hợp với đặc thù của hoạt động khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, nâng cao hiệu quả đầu tư và đóng góp thiết thực của khoa học và công nghệ cho các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh theo từng giai đoạn;

- Đổi mới phương thức xây dựng nhiệm vụ khoa học và công nghệ bao gồm đề xuất lựa chọn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ đảm bảo tính thực tiễn, tính khoa học và tính liên ngành, tăng tỷ lệ nhiệm vụ khoa học và công nghệ có khả năng thương mại hóa các sản phẩm;

- Đổi mới phương thức tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hướng đảm bảo công khai, minh bạch, cạnh tranh trong tuyển chọn của các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; khuyến khích các tổ chức, cá nhân liên kết phối hợp thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ tầm cỡ cấp quốc gia;

- Đổi mới cơ chế tài chính phù hợp với nhiệm vụ khoa học và công nghệ, phù hợp với đặc thù của hoạt động khoa học và công nghệ và nhu cầu phát triển của ngành, địa phương; bảo đảm gắn kết đồng bộ giữa chương trình phát triển trung hạn, định hướng phát triển dài hạn với kế hoạch nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ hàng năm; tăng cường hoạt động thanh tra, kiểm tra giám sát việc sử dụng ngân sách đầu tư cho khoa học và công nghệ.

1.3. Về cơ chế hoạt động khoa học và công nghệ:

- Xây dựng triển khai mô hình hợp tác công, tư trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, phát triển các hình thức hợp tác nghiên cứu, đổi mới công nghệ đào tạo và phát triển nhân lực giữa công, tư, củng cố phát triển Quỹ phát triển khoa học và công nghệ;

- Chuyển các tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ công lập sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm, theo Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05/09/2005 của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 36/2011/TTLT/BKHCN-BTC-BNV ngày 26/12/2011 của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ thực hiện nghiên cứu ứng dụng theo đặt hàng của các ngành, địa phương, các doanh nghiệp và tổ chức có nhu cầu;

- Quy hoạch, sắp xếp lại hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ nhằm bảo đảm hoạt động có hiệu quả, phù hợp với các mục tiêu và định hướng nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ trong từng giai đoạn. Xây dựng và củng cố các trung tâm nghiên cứu hiện đại làm hạt nhân cho việc nghiên cứu, phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ ở các lĩnh vực ưu tiên. Phát triển nâng cao năng lực hệ thống các tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ, đáp ứng yêu cầu phát triển thị trường khoa học và công nghệ;

- Tôn trọng và phát huy tự do tư tưởng hoạt động nghiên cứu sáng tạo của trí thức khoa học và công nghệ vì lợi ích và phát triển chung của toàn xã hội.

2. Phát triển đồng bộ khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên

2.1. Khoa học xã hội và nhân văn:

- Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn phục vụ cho việc hoạch định chủ trương chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh;

- Nghiên cứu xác định mô hình phát triển và cơ cấu kinh tế, đề xuất các giải pháp phát triển nhanh và bền vững trong từng lĩnh vực, nâng cao năng suất và chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ.

2.2. Khoa học tự nhiên:

- Kết hợp giữa nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng nhằm phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh;

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu trong một số lĩnh vực khoa học tự nhiên mà tỉnh có tiềm năng lợi thế. Cố gắng đến năm 2015 có ít nhất 02 chương trình trọng điểm cấp quốc gia trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, đến năm 2020 có từ 04 đến 06 chương trình;

- Tập trung triển khai một số lĩnh vực liên ngành giữa khoa học tự nhiên với khoa học kỹ thuật và công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn phục vụ phát triển bền vững, nghiên cứu nhận dạng bản chất nguyên nhân tác động của thiên tai, quá trình biến đổi khí hậu làm cơ sở khoa học cho việc đề xuất giải pháp hạn chế phòng ngừa thích ứng với biến đổi khí hậu, nhất là ảnh hưởng của hiện tượng nước biển dâng.

2.3. Hướng công nghệ ưu tiên:

- Tiếp tục triển khai công nghệ thông tin truyền thông đạt tiêu chuẩn tỉnh mạnh về công nghệ thông tin so với các tỉnh khu vực;

- Đến năm 2015 phát triển ứng dụng xác thực điện tử trong giao dịch điện tử, ủy ban điện tử thế hệ mới;

- Công nghệ sinh học: Nghiên cứu phát triển có trọng điểm công nghệ nền của công nghệ sinh học. Ứng dụng rộng rãi có hiệu quả công nghệ sinh học vào một số lĩnh vực chủ yếu như: Nông, lâm, ngư nghiệp, y dược, công nghệ chế biến, bảo vệ môi trường; xây dựng công nghệ sinh học thành ngành kinh tế kỹ thuật công nghệ cao góp phần tăng trưởng kinh tế của tỉnh;

- Phát triển công nghệ sinh học phải tập trung vào phục vụ các nhiệm vụ sau đây:

+ Chăm sóc sức khỏe, chẩn đoán, điều trị và phòng ngừa các loại bệnh nguy hiểm;

+ Sản xuất vac-xin, dược phẩm, thuốc thú y, sinh phẩm chẩn đoán các chế phẩm sinh học phục vụ chế biến thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, phân bón, thuốc sinh học phòng trị sâu bệnh, nhân nhanh giống cây trồng sạch bệnh;

+ Tạo các giống cây trồng, vật nuôi, thủy hải sản có năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng cao; phù hợp với điều kiện từng vùng sinh thái của tỉnh, xác định và phòng chống các loại dịch bệnh nguy hiểm mới phát sinh trong nông nghiệp.

- Bảo tồn, lưu giữ và khai thác hợp lý nguồn gen quý hiếm bảo vệ đa dạng sinh học, xử lý ô nhiễm môi trường;

- Công nghệ vật liệu mới: Tập trung tiếp nhận và phát triển các công nghệ vật liệu mới, hiện đại, công nghệ chế tạo vật liệu Nano, vật liệu sử dụng y - sinh, sử dụng trong công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, giao thông, y - dược, bảo vệ môi trường;

- Công nghệ môi trường: Tập trung triển khai công nghệ xử lý nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, ứng dụng công nghệ sản xuất sạch, công nghệ thân thiện với môi trường sản xuất kinh doanh góp phần giảm thiểu phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính, phát triển công nghệ tái chế chất thải.

3. Nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ trong các ngành, lĩnh vực

3.1. Khoa học và công nghệ nông nghiệp:

- Khoa học và công nghệ nông nghiệp phải góp phần quan trọng để đưa tỉnh Trà Vinh trở thành tỉnh có thế mạnh về nông nghiệp, sản phẩm nông nghiệp phải đáp ứng được thị trường trong nước và xuất khẩu;

- Nghiên cứu ứng dụng các giải pháp công nghệ tiên tiến phục vụ quy hoạch phát triển nông nghiệp hiện đại và xây dựng nông thôn mới; trong nghiên cứu cần tập trung vào các đối tượng cây trồng, vật nuôi có khả năng tạo ra sản lượng hàng hóa lớn, có tính cạnh tranh cao đảm bảo tính ổn định thị trường tiêu thụ nông sản;

- Ứng dụng rộng rãi có hiệu quả công nghệ sinh học nhằm tạo ra giống cây con mới có năng suất cao, chất lượng tốt, chống chịu được sâu bệnh và có khả năng thích nghi với điều kiện biến đổi khí hậu; ứng dụng công nghệ sinh học để xác định và phòng chống các loại bệnh dịch nguy hiểm mới phát sinh tạo chế phẩm sinh học phục vụ phát triển bền vững;

- Nghiên cứu đề xuất những giải pháp thiết thực về giống, canh tác các loại cây trồng phù hợp, thích nghi với điều kiện và môi trường của tỉnh. Chú trọng đến bảo vệ rừng phòng hộ góp phần phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai;

- Nghiên cứu bảo tồn và khai thác hợp lý, hiệu quả cao các nguồn gen trong nông nghiệp, đặc biệt là nguồn gen đặc hữu của tỉnh phục vụ cho việc sản xuất tạo ra sản phẩm, hàng hóa có giá trị gia tăng cao, nghiên cứu cơ sở khoa học để phát triển an toàn thực phẩm biến đổi gen;

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến, giải pháp phù hợp để chế biến bảo quản nhằm đa dạng hóa các mặt hàng nông - lâm - thủy sản; xây dựng

thương hiệu mạnh cho các sản phẩm xuất khẩu, nghiên cứu kết hợp công nghệ tiên tiến và kinh nghiệm truyền thống để chế biến bảo quản một số đặc sản truyền thống quy mô công nghiệp bảo đảm chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm;

- Nghiên cứu ứng dụng thiết bị công nghệ tiên tiến trong khảo sát thiết kế thi công các công trình thủy lợi nhằm đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn, chủ động phòng tránh thiên tai, phát triển nông nghiệp thích nghi với biến đổi khí hậu.

3.2. Khoa học và công nghệ y - dược:

- Nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ cao trong lĩnh vực y tế, tiếp cận trình độ khoa học tiên tiến trong nước và trong khu vực, làm chủ được kỹ thuật tiên tiến trong chẩn đoán và điều trị bệnh tật, ứng dụng mổ nội soi, kỹ thuật sinh học phân tử y học hạt nhân;

- Ứng dụng công nghệ kỹ thuật tiên tiến trong dự phòng các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, các bệnh mới phát sinh, có giải pháp thiết thực phòng bệnh tiềm chủng mở rộng;

- Chú trọng đến sản xuất nguyên liệu dược chất, phát huy ưu thế tiềm năng dược liệu và thuốc y học cổ truyền;

- Ứng dụng các giải pháp phát triển và duy trì dân số với quy mô và cơ cấu hợp lý. Đẩy mạnh nghiên cứu nâng cao chất lượng dân số nhất là tầm vóc, thể lực của con người Việt Nam Thế kỷ 21.

3.3. Khoa học và công nghệ năng lượng:

- Nghiên cứu ứng dụng các dạng năng lượng mới, năng lượng tái tạo; năng lượng mặt trời, năng lượng gió, năng lượng sóng biển, sinh khối địa nhiệt và nhiên liệu sinh học;

- Nghiên cứu các giải pháp khoa học và công nghệ nhằm sử dụng tiết kiệm và hiệu quả trong quá trình sản xuất, truyền tải và tiêu thụ năng lượng góp phần tiết kiệm năng lượng tối đa trong phát triển sản xuất và đời sống.

3.4. Khoa học và công nghệ giao thông vận tải:

Nghiên cứu xây dựng hệ thống giao thông an toàn, thân thiện với môi trường; xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phục vụ công tác quy hoạch khảo sát thiết kế, ứng dụng vật liệu mới cho các công trình giao thông chất lượng cao.

3.5. Khoa học và công nghệ xây dựng:

Nghiên cứu ứng dụng các công nghệ hiện đại, sản xuất các loại vật liệu xây dựng tiên tiến, vật liệu thân thiện với môi trường.

3.6. Khoa học và công nghệ biển:

- Nghiên cứu luận cứ khoa học, ứng dụng các giải pháp công nghệ mới, tiên tiến trong giám sát, điều tra tài nguyên môi trường biển, phòng tránh thiên tai, cứu nạn trên biển, nghiên cứu quản lý khai thác có hiệu quả các tài nguyên hải sản, cảnh quang du lịch, khoáng sản, năng lượng sóng biển và thủy triều;

- Nghiên cứu ứng dụng các giải pháp khoa học và công nghệ tiên tiến phát triển ngành kinh tế biển, nuôi trồng, đánh bắt, chế biến hải sản, dịch vụ biển.

3.7. Khoa học và công nghệ quản lý và sử dụng tài nguyên:

Ứng dụng công nghệ hiện đại điều tra cơ bản, quản lý sử dụng tiết kiệm và hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên gắn với nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

trường gồm tài nguyên đất nước, khoáng sản, tài nguyên sinh học, tài nguyên biển, nâng cao năng lực trong dự báo, quan trắc, phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố.

3.8. Khoa học và công nghệ cao trong nông nghiệp:

Tập trung nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ kinh tế mũi nhọn, sản xuất lúa, cây ăn quả, nuôi trồng thủy sản, chế biến các sản phẩm nông nghiệp, cơ giới hoá nông nghiệp. Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ sinh học cung cấp giống cây con, các dịch vụ kỹ thuật chế biến và xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp, hình thành khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, đảm bảo hạ tầng kỹ thuật, công nghệ bảo quản chế biến sau thu hoạch.

4. Phát triển dịch vụ khoa học và công nghệ:

4.1. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng: Nâng cao độ chính xác và mở rộng phạm vi đo của hệ thống chuẩn hiện có; đầu tư tăng cường hiệu chuẩn thử nghiệm sản phẩm, hàng hoá cho Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn Đo lường chất lượng. Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO, trước hết đối với các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm, hàng hoá chủ lực của nền kinh tế; nghiên cứu xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về chất lượng sản phẩm, hàng hoá và dịch vụ kết nối hệ thống cảnh báo quốc tế triển khai hiệu quả dự án Nâng cao năng suất và chất lượng hỗ trợ hoạt động sản xuất cho các doanh nghiệp đến năm 2020 có ít nhất 10 doanh nghiệp được hưởng lợi; mở rộng và đổi mới công nghệ hiện đại, sản phẩm có hàm lượng khoa học cao đóng góp tích cực vào việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

4.2. Sở hữu trí tuệ:

- Nâng cao năng lực cơ sở vật chất của hệ thống thông tin sáng chế, tăng cường khoa học hoá dịch vụ thông tin sáng chế đảm bảo khả năng tiếp cận, tra cứu khai thác nguồn thông tin sáng chế phục vụ việc tìm kiếm sáng chế công nghệ sẵn có áp dụng trong sản xuất kinh doanh, định hướng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong đó đặc biệt chú trọng công nghệ mới;

- Xây dựng, phát triển mạng lưới tổ chức hỗ trợ dịch vụ tư vấn xác lập, giám định, thẩm định, đánh giá khai thác và phát triển tài sản trí tuệ;

- Thông tin khoa học và công nghệ phát triển mạnh dịch vụ cung cấp tổng hợp. Phân tích thông tin số liệu thống kê khoa học và công nghệ đảm bảo chất lượng đáp ứng nhu cầu lãnh đạo quản lý; dự báo, hoạch định chiến lược chính sách phát triển, sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường khoa học và công nghệ;

- Cập nhật, phổ biến nhân rộng mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, xoá đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới;

- Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức xã hội về vai trò khoa học và công nghệ, về chủ trương chính sách pháp luật về khoa học và công nghệ, về vai trò động lực then chốt của khoa học và công nghệ đối với sự nghiệp xây dựng phát triển đất nước, tạo sự đồng thuận và ủng hộ mạnh mẽ của cả hệ thống chính trị đối với hoạt động khoa học và công nghệ, tạo phong trào thi đua lao

động sáng tạo, nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ trong hoạt động sản xuất kinh doanh và mọi lĩnh vực đời sống xã hội, nâng cao tinh thần trách nhiệm tổ chức cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

5. Trong giai đoạn từ nay đến năm 2020:

- Tập trung triển khai mạnh các chương trình, đề án khoa học và công nghệ cấp quốc gia trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

- Huy động sức mạnh tổng hợp thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ đã được nêu trong Nghị quyết số 20 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành trung ương Đảng khoá XI và Chương trình hành động số 28-CTr/TU ngày 01/02/2013 của Tỉnh uỷ Trà Vinh để đến năm 2030 khoa học và công nghệ tỉnh Trà Vinh phát triển ngang tầm thời kỳ mới, từng bước xây dựng kinh tế tri thức, nâng cao năng suất và chất lượng đủ sức phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá.

6. Phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ:

- Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của các khu công nghệ cao, xây dựng phát triển các phòng phân tích, kiểm định, xét nghiệm đủ sức phục vụ khu công nghệ cao, phục vụ cho nghiên cứu, phát triển công nghệ và quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ; tạo cơ sở ươm tạo doanh nghiệp, ươm tạo công nghệ; tăng cường cơ sở vật chất và năng lực cán bộ cho các trung tâm như: Trung tâm Thông tin tư vấn dịch vụ khoa học và công nghệ, Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng....

- Phát triển hệ thống các tổ chức dịch vụ chuyển giao công nghệ, chợ công nghệ và thiết bị, đảm bảo thực thi quyền sở hữu trí tuệ, khai thác và sử dụng hiệu quả các sáng chế, tổ chức triển lãm giới thiệu các thành tựu đổi mới, sáng tạo khoa học và công nghệ;

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ, đẩy mạnh công tác thanh, kiểm tra về khoa học và công nghệ trong thời kỳ phát triển mới, chống gian lận thương mại, hàng gian, hàng giả, hàng kém chất lượng đảm bảo quyền và lợi ích cho người tiêu dùng, tạo sự cạnh tranh công bằng, mở đường tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế phát triển;

- Thúc đẩy đổi mới công nghệ theo hướng ứng dụng công nghệ mới, công nghệ hiện đại; hỗ trợ nhập khẩu công nghệ nguồn, công nghệ cao, mua thiết kế, mời chuyên gia trong nước và ngoài nước thuộc các lĩnh vực ưu tiên; doanh nghiệp mua công nghệ từ các Viện, Trường; nhà nước chủ động mua kết quả khoa học và công nghệ trong trường hợp có nhu cầu. Chấm dứt và ngăn chặn việc nhập công nghệ lạc hậu, công nghệ gây nguy hại đến sức khỏe con người, tài nguyên, môi trường, kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì, phối hợp với các cấp, các ngành trong tỉnh thực hiện các nhiệm vụ sau:

1.1. Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh; tổ chức sơ kết vào đầu năm 2016 và tổng kết vào đầu năm 2021.

1.2. Rà soát hệ thống pháp luật, các đề tài, dự án, chương trình liên quan đến phát triển khoa học và công nghệ; đề xuất sửa đổi, bổ sung ban hành quy định mới phù hợp với mục tiêu định hướng, phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo từng giai đoạn.

1.3. Tổ chức thực hiện các chương trình, dự án khoa học và công nghệ trọng điểm, nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng các kế hoạch 05 năm và hàng năm phù hợp với quá trình phát triển.

1.4. Xây dựng kế hoạch đề xuất phân bổ ngân sách nhà nước cho sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm và 05 năm.

1.5. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quy hoạch và phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ có trình độ cao từ nay đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành tỉnh xây dựng kế hoạch và bố trí nguồn lực để triển khai thực hiện các mục tiêu định hướng phát triển khoa học và công nghệ theo từng giai đoạn của kế hoạch này.

3. Sở Tài chính:

- Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành tỉnh đảm bảo cân đối ngân sách nhà nước hàng năm đủ cho hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật;

- Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành đổi mới và cụ thể hóa cơ chế tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ theo yêu cầu thực hiện kế hoạch.

4. Các Sở, Ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm:

4.1. Cụ thể hóa định hướng nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ của kế hoạch này hàng năm vào ngành, địa phương mình quản lý.

4.2. Xây dựng kế hoạch đặt hàng nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ và chỉ đạo thực hiện kế hoạch ứng dụng khoa học và công nghệ trong ngành và địa phương mình công tác.

5. Các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, các tổ chức khác và cá nhân theo chức năng, quyền hạn và nghĩa vụ của mình, chủ động tích cực tham gia thực hiện tuyên truyền, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch này.//

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Phong